

MÔN THỂ DỤC

LỚP 1

LỚP 1, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 7 tuần, tương đương với tiết 7. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì I, lớp 1 là: Tập hợp hàng dọc, dóng hàng dọc, đứng nghiêm, đứng nghỉ.

Chú ý: Thời điểm giữa học kì I, lớp 1 chương trình có thể được thực hiện với độ xê dịch cho nội dung học. Trong trường hợp đó cần căn cứ cụ thể vào các nội dung đã học để thực hiện việc đánh giá (có thể đánh giá HS vào tiết 8).

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được tập hợp hàng dọc;
- Thực hiện được dóng thẳng hàng dọc;
- Đứng nghiêm, đứng nghỉ đúng cách.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.1.1	Thực hiện được tập hợp hàng dọc			
1.1.1.1	Thuộc khẩu lệnh “thành 1/2/3,... hàng dọc, tập hợp”			
1.1.1.2	Khi kết thúc khẩu lệnh di chuyển được tới vị trí và đứng thẳng hàng			
1.1.2	Thực hiện được dóng hàng dọc			
1.1.2.1	Hô được khẩu lệnh: “nhìn trước – thẳng”			
1.1.2.2	Dóng hàng cơ bản thẳng với bạn phía trước			
1.1.2.3	Biết hô cho bạn cùng tập (Hô khẩu lệnh còn vấp hoặc giáo viên phải hỗ trợ)			
1.1.3	Biết cách đứng nghiêm, đứng nghỉ			
1.1.3.1	Hô được khẩu lệnh: “nhìn trước – thẳng”			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.1.3.2	Đứng cơ bản đúng tư thế của chân, tay, thân mình và nhìn thẳng ra phía trước			
1.1.3.3	Tự tập được (vừa hô, vừa tập)			

Lượng hoá kết quả đánh giá thường xuyên dựa trên tiêu chí thể hiện qua các chỉ báo cho tất cả các bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì và cuối học kì theo quy ước sau:

– **HTT:** $\geq 3/4$ số chỉ báo đạt mức 3, không có chỉ báo nào ở mức 1.

Ví dụ:

Sau khi có khẩu lệnh, di chuyển nhanh vào vị trí, đứng thẳng hàng với bạn phía trước và điều chỉnh được cự li một cánh tay (không chạm vào vai của bạn phía trước); khi đứng nghiêm hai gối thẳng, hai gót chân sát nhau, mũi chân mở chữ V, thân thẳng, mắt nhìn thẳng, hai tay áp sát thân, các ngón tay khép, khi nghỉ có thể thả lỏng thân người, khuyu 1 gối. Tự hô, tự tập được hoặc hô được cho bạn cùng tập.

– **HT:** $> 3/4$ chỉ báo đạt mức 2 hoặc 3.

Ví dụ:

Sau khi có khẩu lệnh, di chuyển được vào vị trí, đứng thẳng hàng với bạn phía trước và điều chỉnh được cự li một cánh tay; khi đứng nghiêm hai gối tương đối thẳng, hai gót chân sát nhau, mũi chân mở chữ V, thân thẳng, mắt nhìn thẳng, hai tay áp sát thân, khi nghỉ có thể thả lỏng thân người, khuyu 1 gối. Tự hô, tự tập được hoặc hô được cho bạn cùng tập (có thể có sự giúp đỡ hoặc vấp nhip).

– **CHT:** $\geq 1/4$ số chỉ báo chỉ đạt mức 1.

Ví dụ:

Di chuyển để đứng vào vị trí khi chưa có lệnh của chỉ huy; Chỉ theo bạn trước đứng vào hàng, không biết giờ tay (đứng ở hàng chuẩn) hoặc quan sát dóng hàng để điều chỉnh cự li; Đứng nghiêm chân không đúng, thân người và tay thả lỏng tự do.

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 1, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 17 tuần, tương đương với tiết 17. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì I, lớp 1 là: Tư thế đứng cơ bản, đứng đưa hai tay ra trước, dang ngang và đưa

hai tay lên cao chéch chữ V; đứng kiểng gót, hai tay chống hông; đứng đưa một chân ra trước và sang ngang, hai tay chống hông. Tư thế đứng đưa một chân ra sau, hai tay giơ cao thẳng hướng.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Biết cách thực hiện phối hợp các tư thế đứng cơ bản và đứng đưa hai tay ra trước, đứng đưa hai tay dang ngang và đưa lên cao chéch chữ V.

– Thực hiện được đứng kiểng gót, hai tay chống hông, đứng đưa một chân ra trước và sang ngang, hai tay chống hông.

– Thực hiện được đứng đưa một chân ra sau, hai tay giơ cao thẳng hướng.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.2.1	Biết cách phối hợp các tư thế đứng cơ bản và đứng đưa hai tay ra trước, đứng đưa hai tay dang ngang và đưa lên cao chéch chữ V			
1.2.1.1	Thực hiện cơ bản đứng từng tư thế của động tác			
1.2.1.2	Thực hiện nối liền được tư thế đứng cơ bản với các tư thế của tay (có thể quên nhưng lại thực hiện được)			
1.2.1.3	Tự tập được động tác (vừa hô, vừa tập)			
1.2.2	Thực hiện đứng kiểng gót, hai tay chống hông			
1.2.2.1	Thực hiện cơ bản đứng tư thế của chân, tay và thân mình			
1.2.2.2	Tập tương đối nhịp nhàng, liên mạch tư thế đưa chân			
1.2.2.3	Tự hô hoặc hô cho bạn cùng tập (Hô khẩu lệnh còn vấp hoặc giáo viên phải hỗ trợ)			
1.2.3	Thực hiện đứng đưa một chân ra sau, hai tay giơ cao thẳng hướng			
1.2.3.1	Thực hiện cơ bản đứng tư thế của chân, tay và thân mình			
1.2.3.2	Phối hợp tương đối nhịp nhàng tư thế đưa chân với giơ tay			
1.2.3.3	Tự điều khiển được bản thân thực hiện động tác (vừa hô, vừa tập)			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 1, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 23 tuần, tương đương với tiết 23. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì II, lớp 1 là: Động tác vươn thở, tay, chân, vặn mình và bụng của bài thể dục phát triển chung.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Thực hiện được động tác vươn thở, tay, chân, vặn mình và bụng của bài thể dục phát triển chung. (Thực hiện 5 động tác của bài thể dục phát triển chung chưa cần theo thứ tự từng động tác của bài).

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.3.1	Biết cách thực hiện động tác của bài thể dục phát triển chung			
1.3.1.1	Nêu được tên 5 động tác (có thể còn chậm hoặc giáo viên phải hỗ trợ)			
1.3.1.2	Thực hiện cơ bản đúng các động tác (chưa cần đúng thứ tự)			
1.3.1.3	Vừa hô vừa tập được các động tác (có thể còn lúng túng)			
1.3.2	Biểu hiện khi tập động tác			
1.3.2.1	Bước đầu thực hiện các động tác nhịp nhàng, trôi chảy (có thể từng động tác hoặc nối liền các động tác)			
1.3.2.2	Khi tập biết điều chỉnh động tác cho đúng hơn			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 2 tiêu chí với 5 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 1, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 34 tuần, tương đương với tiết 34. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì II, lớp 1 là:

- Bài thể dục phát triển chung.
- Tăng cầu, chuyển cầu theo nhóm 2 người

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện cơ bản đúng các động tác của bài thể dục phát triển chung.
- Tăng cầu hoặc chuyển cầu theo nhóm 2 người (bằng bảng cá nhân hoặc vợt gỗ) với số lần tăng dần.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.4.1	Thực hiện cơ bản đúng các động tác của bài thể dục phát triển chung			
1.4.1.1	Nêu được tên động tác, thực hiện cơ bản đúng động tác theo thứ tự của bài và khớp với nhịp hô			
1.4.1.2	Tập động tác nhịp nhàng liên kết được động tác trước với động tác sau (có thể còn quên)			
1.4.1.3	Vừa hô nhịp vừa tập được động tác hoặc thực hiện động tác theo lệnh của chỉ huy			
1.4.1.4	Thể hiện tư thế động tác tương đối đẹp (tư thế của tay, chân, thân mình), Nét mặt tươi vui, mắt nhìn theo tay			
1.4.1.5	Nhận biết lỗi và điều chỉnh lại được			
1.4.2	Thực hiện được động tác chuyển cầu			
1.4.2.1	Tung và hứng cầu trúng vào bảng hoặc vợt gỗ			
1.4.2.2	Chuyển được cầu sang cho bạn và đỡ cơ bản trúng bảng gỗ hoặc vợt khi cầu đến			
1.4.2.3	Thực hiện được số lần theo qui định (có thể cho thực hiện lại theo gợi ý hoặc lời động viên)			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 2

LỚP 2, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 9 tuần, tương đương với tiết 17 và 18. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì I, lớp 2 là: Bài thể dục phát triển chung.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện cơ bản đúng các động tác của bài thể dục phát triển chung.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.1.1	Biết cách tập			
2.1.1.1	Nêu tên theo thứ tự các động tác của bài thể dục phát triển chung			
2.1.1.2	Mô tả cách thực hiện 1 động tác theo hiểu biết của bản thân (tự chọn 1 động tác)			
2.1.1.3	Nêu được những lỗi hay mắc khi tập động tác (tự chọn)			
2.1.2	Thực hiện động tác			
2.1.2.1	Thực hiện cơ bản đúng động tác			
2.1.2.2	Liên hoàn động tác trước với động tác sau			
2.1.2.3	Tự tập và hô được nhịp cho bạn tập			

Lượng hoá kết quả đánh giá thường xuyên dựa trên tiêu chí thể hiện qua các chỉ báo cho tất cả các bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì theo quy ước sau:

HTT: thực hiện tốt 3/4 trở lên và cơ bản đúng 1/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Nêu đủ tên động tác theo đúng thứ tự, thực hiện liên hoàn, khớp với nhịp hô và động tác cơ bản đúng, tự tập và hô được nhịp cho bạn tập, nhận biết và điều chỉnh được lỗi.

HT: Thực hiện được các chỉ báo

Ví dụ:

Nêu được tên động tác theo đúng thứ tự (có thể quên và nhớ ra), thực hiện liên hoàn, khớp với nhịp hô và động tác cơ bản đúng, tự tập và hô được nhịp cho bạn tập.

CHT: chưa thực hiện được 3/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Nêu được tên động tác theo đúng thứ tự (có thể quên và nhớ ra), thực hiện rời rạc, chưa khớp với nhịp hô và chưa đúng động tác.

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 2 tiêu chí với 6 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 2, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 17 tuần, tương đương với tiết 34 và 35. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì I, lớp 2 là: Trò chơi “bịt mắt bắt dê”, “nhóm 3 nhóm 7”, “vòng tròn” và “bỏ khăn”.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Biết cách chơi và tham gia được các trò chơi

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.1.1	Biết cách chơi			
2.1.1.1	Nêu được tên trò chơi và cách chơi (có thể theo gợi ý)			
2.1.1.2	Đưa ra được những điểm cơ bản của luật chơi (có thể gợi ý)			
2.2.1	Tham gia được vào các trò chơi			
2.2.1.1	Thực hiện được các động tác theo yêu cầu của trò chơi			
2.2.1.2	Thực hiện các động tác của trò chơi cơ bản đúng theo luật			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 2 tiêu chí với 4 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 2, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 26 tuần, tương đương với tiết 47 và 48. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì II, lớp 2 là:

- Đi thường theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang.
- Đi kiễng gót, hai tay chống hông.
- Đi nhanh chuyển sang chạy.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện đúng động tác đi thường theo vạch kẻ thẳng, hai tay chống hông và dang ngang.
- Thực hiện được đi kiễng gót, hai tay chống hông.
- Thực hiện được đi nhanh chuyển sang chạy.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.3.1	Cách tập động tác đi theo vạch kẻ, đi kiễng gót và đi nhanh chuyển sang chạy			
2.3.1.1	Nêu được tên động tác			
2.3.1.3	Đưa ra những lỗi thường mắc trong khi tập			
2.3.2	Thực hiện được động tác đi theo vạch kẻ, đi kiễng gót và đi nhanh chuyển sang chạy			
2.3.2.1	Thực hiện được động tác bước chân, đi đúng theo vạch kẻ thẳng			
2.3.2.2	Đi kiễng gót giữ được thăng bằng			
2.3.2.3	Đi có tốc độ nhanh dần mới chuyển sang chạy, tay đánh nhịp nhàng			
2.3.3	Cảm nhận động tác			
2.3.3.1	Nhận xét được cho bản thân và cho bạn khi tập luyện			
2.3.3.2	Tự điều khiển cho bản thân và điều khiển cho bạn tập			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 2, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 34 tuần, tương đương với tiết 72 và 73. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì II, lớp 2 là: Chuyển cầu bằng bảng cá nhân hoặc vợt gỗ theo nhóm hai người.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Biết cách chuyển cầu bằng bảng cá nhân hoặc vợt gỗ theo nhóm hai người.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.4.1	Biết cách chuyển cầu			
2.4.1.1	Nêu tên động tác			
2.4.1.2	Nêu cách tập động tác theo hiểu biết của bản thân			
2.4.1.3	Đưa ra những lỗi thường mắc trong khi tập			
2.4.2	Thực hiện động tác chuyển cầu			
2.4.2.1	Tung và hứng cầu trúng vào bảng hoặc vợt gỗ			
2.4.2.2	Tập cơ bản đúng động tác tung cầu trước khi chuyển			
2.4.2.3	Chuyển được cầu sang cho bạn và đỡ cơ bản trúng bảng gỗ hoặc vợt khi cầu đến			
2.4.3	Cảm nhận động tác			
2.4.3.1	Tự điều chỉnh được vị trí đánh cầu hợp lí (không xa, không gần)			
2.4.3.2	Động tác đánh cầu nhịp nhàng, thoải mái			
2.4.3.3	Nhận xét được cho bản thân và cho bạn khi tập luyện			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 3

LỚP 3, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 8 tuần, tương đương với tiết 15 và 16. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì I, lớp 3 là:

- Tập hợp hàng ngang, dóng hàng.
- Đi chuyển hướng phải trái.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Biết cách tập hợp hàng ngang, dóng thẳng hàng ngang.
- Đi được chuyển hướng phải trái

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.1.1	Biết cách tập hợp hàng ngang			
3.1.1.1	Hô được khẩu lệnh “thành 1/2/3,... hàng ngang -- tập hợp”			
3.1.1.2	Khi kết thúc khẩu lệnh di chuyển được tới vị trí và đứng thẳng hàng			
3.1.1.3	Tự tập được (vừa hô, vừa tập)			
3.1.2	Biết cách dóng thẳng hàng ngang			
3.1.2.1	Hô được khẩu lệnh: “nhìn phải – thẳng”			
3.1.2.2	Dóng hàng cơ bản thẳng với bạn bên tay phải			
3.1.2.3	Tự hô và hô được cho bạn cùng tập (Hô khẩu lệnh còn vấp hoặc giáo viên phải hỗ trợ)			
3.1.3	Đi được chuyển hướng phải trái			
3.1.3.1	Thực hiện động tác cơ bản đúng hướng			
3.1.3.2	Khi tập biết điều chỉnh động tác cho đúng hơn			

Lượng hoá kết quả đánh giá thường xuyên dựa trên tiêu chí thể hiện qua các chỉ báo cho tất cả các bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì theo quy ước sau:

HTT: Thực hiện tốt 3/4 trở lên và cơ bản đúng 1/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Tự hô và hô cho bạn tập đúng khẩu lệnh, khi kết thúc khẩu lệnh di chuyển kịp thời vào hàng ngang, dóng hàng thẳng với bạn bên cạnh, biết điều chỉnh thẳng hàng ngang và hàng dọc (nếu nhiều hàng ngang).

Tự hô và hô cho bạn tập đúng khẩu lệnh, đi chuyển đúng hướng phải trái, nhận biết được sai và điều chỉnh lại ngay.

HT: Thực hiện được các chỉ báo

Ví dụ:

Tự hô và hô cho bạn tập tương đối đúng khẩu lệnh, khi kết thúc khẩu lệnh di chuyển được vào hàng ngang, dóng hàng thẳng với bạn cạnh, biết điều chỉnh thẳng hàng ngang và hàng dọc (nếu nhiều hàng ngang).

Tự hô và hô cho bạn tập tương đối đúng khẩu lệnh, đi chuyển cơ bản đúng hướng phải trái, nhận biết được sai và điều chỉnh lại được.

CHT: Chưa thực hiện được 3/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Di chuyển được vào hàng ngang, chưa biết dóng hàng mà chỉ tập theo các bạn, chưa điều chỉnh được thẳng hàng ngang.

Tự hô được khẩu lệnh, chưa xác định được hướng phải trái, không nhận ra được lỗi sai khi tập.

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 3, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 15 tuần, tương đương với tiết 29 và 30. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì I, lớp 3 là: Bài thể dục phát triển chung.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện cơ bản đúng các động tác của bài thể dục phát triển chung.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.2.1	Thực hiện động tác			
3.2.1.1	Thực hiện động tác tương đối đúng phương hướng và biên độ			
3.2.1.2	Liên hoàn được động tác trước với động tác sau			
3.2.1.3	Tự tập và hô nhịp được cho bạn tập			
3.2.2	Cảm nhận động tác			
3.2.2.1	Thực hiện động tác khớp với nhịp hô, có nhịp điệu và tư thế.			
3.2.2.2	Nhận biết và điều chỉnh được lỗi khi tập động tác			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 2 tiêu chí với 5 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 3, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 23 tuần, tương đương với tiết 45, 46. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì II, lớp 3 là: Nhảy dây kiểu chụm hai chân.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Biết cách nhảy dây kiểu chụm hai chân và thực hiện đúng cách so dây, chao dây, quay dây.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.3.1	Biết cách nhảy dây kiểu chụm hai chân và			
3.3.1.1	Nêu được tên và cách thực hiện động tác (theo ý hiểu)			
3.3.1.2	Nêu những lỗi thường mắc khi thực hiện động tác			
3.3.2	Thực hiện động tác nhảy dây kiểu chụm hai chân			
3.3.2.1	Thực hiện cơ bản đúng cách so dây, chao dây			
3.3.2.2	Phối hợp được động tác chao dây, mở dây và bật nhảy qua dây			
3.3.2.3	Thực hiện được động tác quăng dây và bật nhảy qua dây			
3.3.3	Cảm nhận động tác			
3.3.3.1	Bật nhảy nhẹ nhàng, có nhịp độ			
3.3.3.2	Nhận xét được kết quả sau khi thực hiện động tác			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 3, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 34 tuần, tương đương với tiết 67 và 68. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì II, lớp 3 là: Tung bắt bóng theo nhóm 2 – 3 người.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện được tung bắt bóng theo nhóm 2 – 3 người

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.4.1	Biết cách di chuyển tung và bắt bóng			
3.4.1.1	Nêu tên và mô tả được theo ý hiểu cách thực hiện động tác			
3.4.1.2	Nêu những lỗi hay mắc phải khi thực hiện động tác			
3.4.2	Thực hiện cơ bản đúng động tác di chuyển tung và bắt bóng			
3.4.2.1	Giữ thẳng thân người khi tung và bắt bóng			
3.4.2.2	Tung và bắt bóng trúng			
3.4.2.3	Thực hiện động tác càng nhiều càng tốt			
3.4.3	Cảm nhận động tác			
3.4.3.1	Phối hợp nhịp nhàng các thao tác tung và bắt bóng			
3.4.3.2	Nhận biết và điều chỉnh được lỗi khi thực hiện			
3.4.3.3	Nhận xét được kết quả sau khi thực hiện động tác			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 9 tuần, tương đương với tiết 17, 18. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì I, lớp 4 là:

- Động tác vươn thở, tay, của bài thể dục phát triển chung.
- Trò chơi “Nhanh lên bạn ơi!” và trò chơi “Con Cóc là cậu ông trời”.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được động tác vươn thở, tay của bài thể dục phát triển chung.
- Biết cách chơi và tham gia được các trò chơi

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.1.1	Thực hiện được động tác			
4.1.1.1	Thực hiện động tác cơ bản đúng phương hướng			
4.1.1.2	Liên hoàn động tác trước với động tác sau			
4.1.1.3	Tự tập và hô được nhịp cho bạn tập			
4.1.2	Cảm nhận động tác			
4.1.2.1	Thực hiện động tác khớp với nhịp hô			
4.1.2.2	Nhận biết và điều chỉnh được khi mắc lỗi động tác			
4.1.2.3	Thực hiện bài có nhịp điệu và tư thế			
4.1.3	Biết chơi và tham gia được các trò chơi			
4.1.3.1	Nêu được tên và ý nghĩa của bản thân về cách chơi			
4.1.3.2	Chơi được theo yêu cầu, cơ bản đúng luật			
4.1.3.3	Hợp tác được với bạn trong khi chơi			

Luợng hoá kết quả đánh giá thường xuyên dựa trên tiêu chí thể hiện qua các chỉ báo cho tất cả các bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì theo quy ước sau:

HTT: Thực hiện tốt 3/4 trở lên và cơ bản đúng 1/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Thực hiện động tác của bài thể dục phát triển chung (TDPTC) liên hoàn, khớp với nhịp hô, đúng phương hướng, có nhịp điệu và tư thế đẹp, điều chỉnh ngay lỗi khi mắc phải, tự hô và hô được cho bạn tập.

Tham gia trò chơi đúng yêu cầu, đúng luật và hợp tác với bạn trong khi chơi.

HT: Thực hiện được các chỉ báo

Ví dụ:

Thực hiện động tác của bài thể dục phát triển chung (TDPTC) tương đối liên hoàn, khớp với nhịp hô, tương đối đúng phương hướng, có nhịp điệu và tư thế, điều chỉnh được lỗi khi mắc phải, tự hô và hô được cho bạn tập.

Tham gia trò chơi được theo yêu cầu, cơ bản đúng luật và hợp tác với bạn trong khi chơi.

CHT: Chưa thực hiện được 3/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Thực hiện động tác của bài thể dục phát triển chung (TDPTC) chưa theo thứ tự, động tác nhầm lẫn hoặc chưa thuộc cử động, thực hiện chưa khớp với nhịp hô.

Tham gia trò chơi chưa đúng yêu cầu, không đúng luật và chưa biết hợp tác với bạn trong khi chơi.

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 2 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Ở tuần 17, tương đương với tiết 33 và 34. Các nội dung học sinh cần hoàn thành ở cuối học kì I, lớp 4 là:

- Đi kiễng gót hai tay chống hông.
- Đi nhanh chuyển sang chạy.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện cơ bản đúng đi kiễng gót hai tay chống hông.
- Biết cách đi nhanh chuyển sang chạy.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.2.1	Cách tập động tác			
4.2.1.1	Nêu được tên động tác, Mô tả cách tập động tác theo hiểu biết của bản thân			
4.2.1.2	Đưa ra những lỗi thường mắc trong khi tập			
4.2.2	Thực hiện động tác đi kiễng gót và đi nhanh chuyển sang chạy			
4.2.2.1	Tập cơ bản đúng động tác đi kiễng gót, hai tay chống hông			
4.2.2.2	Đi kiễng gót giữ được thẳng bằng			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.2.2.3	Đi có tốc độ nhanh dần mới chuyển sang chạy, tay đánh nhịp nhàng.			
4.2.3	Cảm nhận động tác			
4.2.3.1	Nhận xét được cho bản thân và cho bạn khi tập luyện			
4.2.3.2	Tự điều khiển cho bản thân và điều khiển cho bạn tập			
4.2.3.3	Tư thế động tác cơ bản đúng.			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 22 tuần, tương đương với tiết 43 và 44. Các nội dung học sinh hoàn thành ở giữa học kì II, lớp 4 là: Nhảy dây kiểu chụm hai chân

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện được nhảy dây kiểu chụm hai chân.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng về môn Thể dục, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.3.1	Cách tập động tác			
4.3.1.1	Mô tả cách tập động tác theo hiểu biết của bản thân			
4.3.1.2	Đưa ra những lỗi thường mắc trong khi tập			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.3.2	Thực hiện được động tác			
4.3.2.1	Thực hiện được chao dây, mở dây và bật qua dây			
4.3.2.2	Phối hợp được quãng dây và bật nhảy qua dây			
4.3.2.3	Thực hiện động tác có nhịp độ và trôi chảy			
4.3.3	Cảm nhận động tác			
4.3.3.1	Đánh giá được cho bản thân và cho bạn khi tập luyện			
4.3.3.2	Tư thế động tác cơ bản đúng			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được tuần, tương đương với tiết 69 và 70. Các nội dung học sinh cần hoàn thành ở cuối học kì II, lớp 4 là: Di chuyển tung và bắt bóng.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện cơ bản đúng động tác di chuyển tung và bắt bóng, động tác nhẹ nhàng, đúng số lần quy định.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.4.1	Thực hiện cơ bản đúng động tác di chuyển tung và bắt bóng			
4.4.1.1	Giữ tư thế cố định khi di chuyển			
4.4.1.2	Tung và bắt bóng trúng			
4.4.1.3	Thực hiện động tác đúng số lần qui định			
4.4.2	Cảm nhận động tác			
4.4.2.1	Phối hợp nhịp nhàng các thao tác di chuyển, tung và bắt bóng			
4.4.2.2	Nhận biết và điều chỉnh được lỗi khi thực hiện			
4.4.2.3	Tự đánh giá được kết quả sau khi thực hiện động tác			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 2 tiêu chí với 6 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

Học sinh đã học được 8 tuần, tương đương với tiết 15,16. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì I, lớp 5 là:

Đi đều thẳng hướng và vòng phải, vòng trái.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện được đi đều thẳng hướng và vòng phải, vòng trái.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.1.1	Cách tập động tác			
5.1.1.1	Nêu được tên và mô tả cách tập động tác theo hiểu biết của bản thân			
5.1.1.3	Đưa ra những lỗi thường mắc trong khi tập			
5.1.2	Thực hiện được động tác đi đều thẳng hướng và vòng phải, vòng trái			
5.1.2.1	Hô đúng khẩu lệnh			
5.1.2.2	Thực hiện cơ bản đúng động tác chân, thân mình và đánh tay khi đi đều thẳng hướng			
5.1.2.3	Đi cơ bản đúng hướng phải, trái			
5.1.3	Cảm nhận động tác			
5.1.3.1	Đánh giá được cho bản thân và cho bạn khi tập luyện			
5.1.3.2	Tự điều khiển cho bản thân và điều khiển được cho bạn tập			
5.1.3.3	Tư thế động tác cơ bản đúng.			

HTT: Thực hiện tốt 3/4 trở lên và cơ bản đúng 1/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Nêu đúng tên, hô đúng khẩu lệnh; thực hiện đúng động tác bước chân, thân mình thẳng, đánh tay phối hợp được với bước chân; chuyển cơ bản đúng hướng phải trái; tự điều khiển và điều khiển được cho bạn cùng tập, đánh giá được cho bản thân và cho bạn khi đi đều; tư thế động tác cơ bản đúng.

HT: Thực hiện được các chỉ báo

Ví dụ:

Nêu đúng tên, hô đúng khẩu lệnh; thực hiện cơ bản đúng động tác bước chân, thân mình thẳng, đánh tay phối hợp được với bước chân; chuyển cơ bản đúng hướng phải trái; tự điều khiển và điều khiển được cho bạn cùng tập (có thể con ngậm ngừng), đánh giá được cho bản thân và cho bạn khi đi đều; tư thế động tác cơ bản được.

CHT: Chưa thực hiện được 3/4 số chỉ báo

Ví dụ:

Nêu đúng tên, hô đúng khẩu lệnh; thực hiện chưa đúng động tác bước chân, thân mình thẳng, tay và chân chưa phối hợp được; chưa xác định được hướng phải trái, bối rối khi trả lời câu hỏi hoặc tập luyện, có sự giúp đỡ nhưng vẫn không thực hiện được.

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN THỂ DỤC**A. Nội dung chương trình**

Học sinh đã học được 16 tuần, tương đương với tiết 31,32. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì I, lớp 5 là: Bài thể dục phát triển chung.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện cơ bản đúng các động tác của bài thể dục phát triển chung.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.2.1	Biết cách tập			
5.2.1.1	Nêu tên theo thứ tự các động tác của bài thể dục phát triển chung			
5.2.1.2	Mô tả cách thực hiện động tác theo hiểu biết của bản thân (tự chọn 1 động tác) trong bài thể dục phát triển chung			
5.2.1.3	Nêu những lỗi thường mắc khi tập động tác của bài thể dục phát triển chung			
5.2.2	Thực hiện động tác			
5.2.2.1	Thực hiện động tác cơ bản đúng phương hướng			
5.2.2.2	Liên hoàn được động tác trước với động tác sau			
5.2.2.3	Tự tập và hỗ trợ nhau cho bạn tập			
5.2.3	Cảm nhận động tác			
5.2.3.1	Thực hiện động tác khớp với nhịp hô			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.2.3.2	Nhận biết và điều chỉnh được lỗi động tác			
5.2.3.3	Thực hiện bài có nhịp điệu và tư thế.			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

– Học sinh đã học được 23 tuần, tương đương với tiết 45, 46. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở giữa học kì II, lớp 5 là: Di chuyển tung và bắt bóng.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực hiện được động tác di chuyển tung và bắt bóng.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.3.1	Biết cách di chuyển tung và bắt bóng			
5.3.1.1	Nêu tên động tác, mô tả được cách thực hiện động tác theo hiểu biết của bản thân			
5.3.1.3	Nêu được những lỗi khi thực hiện động tác			
5.3.2	Thực hiện cơ bản đúng động tác di chuyển tung và bắt bóng			
5.3.2.1	Giữ được tư thế cố định khi di chuyển			
5.3.2.2	Tung và bắt bóng trúng			
5.3.2.3	Đạt được số lần qui định khi tung và bắt bóng			

5.33	Cảm nhận động tác			
5.33.1	Phối hợp tương đối nhịp nhàng các thao tác di chuyển, tung và bắt bóng			
5.33.2	Nhận biết và điều chỉnh được lỗi khi thực hiện			
5.33.3	Nhận xét được kết quả sau khi thực hiện động tác			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN THỂ DỤC

A. Nội dung chương trình

- Học sinh đã học được 34 tuần, tương đương với tiết 67, 68. Các nội dung học sinh đã hoàn thành ở cuối học kì II, lớp 5 là: Các trò chơi “Nhảy ô tiếp sức”, “Dẫn bóng”, “Nhảy đúng, nhảy nhanh” và “Ai kéo khoẻ”.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Biết cách chơi và tham gia chơi được các trò chơi.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 5)

- Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Thể dục, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.4.1	Biết cách chơi			
5.4.1.1	Nêu được tên và cơ bản đúng cách chơi			
5.4.1.2	Nêu được một số điểm chính của luật khi chơi			
5.4.2	Thực hiện trò chơi			
5.4.2.1	Chơi cơ bản đúng luật			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.4.2.2	Thực hiện động tác trong trò chơi tương đối nhanh, gọn; Phối hợp kịp thời, hợp tác được với các bạn			
5.4.2.3	Điều khiển được trò chơi			
5.4.3	Cảm nhận khi chơi			
5.4.3.1	Biết điều chỉnh kịp thời những lỗi sai trong khi chơi			
5.4.3.2	Tham gia chơi Hoà đồng, nhiệt tình.			
5.4.3.3	Đánh giá được kết quả sau khi chơi			

D. Kết quả đánh giá(lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			